

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 516/2018/HS-PT

Ngày: 19/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân.

1. Ông Phan Văn Liệt

2. Ông Vũ Văn Lê

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh, thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 466/2018/HSPT ngày 11/10/2018 đối với bị cáo Phạm Nguyễn Minh T theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5070/2018/QĐXXPT-HS ngày 05/11/2018, do có kháng cáo của bị cáo Phạm Nguyễn Minh T đối với bản án số 62/2018/HS-ST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Phạm Nguyễn Minh T**; sinh ngày 01/6/1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký thường trú: 34/9 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 08/12; con ông Phạm Văn U và bà Nguyễn Thị I; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án: Năm 2015, bị Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm 3 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 37/2015/HSST ngày 19/3/2015); chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2016;

Tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 22/3/2017;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 10 phút ngày 22/3/2017, Công an Phường E, Quận F kiểm tra hành chính nhà số 670/21/14 đường Đ, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà vừa nêu do Phạm Nguyễn Minh T thuê. Tại thời điểm kiểm tra, trong nhà còn có Nguyễn Thị Thu H là người sống chung như vợ chồng với T. Qua kiểm tra, Công an phát hiện:

- Trong phòng ngủ của T tại lầu 1 có 1 túi xách màu đỏ, bên trong có 01 hộp giấy ghi chữ SamSung Galaxy S4, trong hộp giấy có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu;

- Trên tấm nệm trong phòng ngủ có 1 hộp giấy ghi chữ LEVI'S bên trong có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu;

- Trên kệ gỗ trong phòng ngủ có 2 gói nylon chứa chất bột màu trắng và 01 gói nylon chứa chất bột màu vàng.

Do nghi ngờ các chất chứa trong các gói nylon đã nêu là ma túy nên Lực lượng Công an đã thu giữ và đưa T về trụ sở Công an Phường E, Quận F lập hồ sơ làm rõ.

Đến khoảng 9 giờ 40 phút cùng ngày, Cơ quan điều tra Công an Quận F thi hành lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại địa chỉ nhà thuê đã nêu, tiếp tục phát hiện và thu giữ trên kệ gỗ trong phòng ngủ của T tại lầu 1 có 01 chiếc bóp nhỏ màu vàng có chấm bi màu đen, bên trong có:

- 1 gói nylon chứa tinh thể không màu;

- 1 gói nylon chứa chất bột màu trắng;

- 1 gói nylon bên trong có 38 viên nén hình tròn màu nâu có ghi chữ ADVIL, nghi vẫn là ma túy.

Trong quá trình điều tra, T khai nhận như sau:

Vào khoảng 19/3/2017, T mua 01 gói ma túy của đối tượng tên K không rõ nhân thân lai lịch với giá 3.000.000đ rồi đem về nhà số 670 đường Đ, Phường E, Quận F phân chia thành 4 gói ma túy nhỏ với mục đích bán cho người khác; còn lại một ít vụn ma túy, T lấy sử dụng cho bản thân. T đã bán được 2 gói ma túy, thu được 3.000.000đ; còn lại 2 gói, T cất giấu trong hộp giấy có chữ LEVIS để trong phòng ngủ lầu 1.

Khoảng 17 giờ ngày 21/3/2017, T tiếp tục liên lạc với K để hỏi mua 100gam ma túy đá (MA), K đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, K đến nơi ở của T và đưa cho T 1 hộp giấy có ghi chữ SAMSUNG GALAXY S4 bên trong có 2 gói ma túy đá; T đưa trước cho K 15.500.000đ và nói rằng còn thiếu bao

nhieu sẽ trả sau; K đồng ý và nhận tiền. Ngoài ra, K còn đưa cho T 3 gói Ketamine (2 gói chất bột màu trắng, 1 gói chất bột màu vàng) nhờ T cất giữ giùm; K nói rằng bận đi công việc một lát sẽ quay lại lấy. Sau đó, T đem tất cả số ma túy vừa nêu lên trên phòng ngủ ở lầu 1. T để 3 gói ma túy Ketamine (của K gửi) ở trên kệ gỗ. K thử số ma túy đá mới mua của K thì biết là ma túy giả nên K cất giấu vào trong túi xách màu đỏ, mục đích đợi K đến thì yêu cầu K đổi lại. Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 22/3/2017, lực lượng Công an đến kiểm tra hành chính thì phát hiện và thu giữ toàn bộ tang vật là ma túy như đã nêu. Số ma túy loại Ketamine cất giấu trong bóp màu vàng có chấm bi đen để trên kệ gỗ là của T, T mua về để sử dụng cho bản thân; còn số ma túy loại MA để trong chiếc bóp màu vừa nêu, T cất giữ để bán cho người khác.

Trong quá trình điều tra, T và H cùng khai như sau:

T và H có quan hệ tình cảm và sống chung với nhau như vợ chồng tại địa chỉ nhà số 670/21/14 đường Đ, Phường E, Quận F từ khoảng tháng 01/2017. H và T nhiều lần sử dụng chung ma túy tại địa chỉ vừa nêu, ma túy sử dụng là của T. H có biết T có cất giấu ma túy nhưng không biết cất ở đâu, số lượng là bao nhiêu. H không biết T mua bán ma túy.

Ngày 21/3/2017, khi K mang ma túy đến bán cho T, H không biết. Lúc Công an đến kiểm tra hành chính căn nhà số 670/21/14 đường Đ, Phường E, Quận F thì H đang ở tầng trệt, còn T ở trên phòng ngủ tầng 1.

Căn cứ lời khai của bị cáo và căn cứ vào Kết luận giám định số 657/KLGD-H ngày 05/4/2017; Công văn số 175/PC54-Đ6 ngày 12/01/2018 và công văn số 226/PC54-Đ6 ngày 09/02/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54), Công an Thành phố Hồ Chí Minh, xác định được như sau:

- Gói 1: 2 gói nylon chứa tinh thể không màu đựng trong hộp giấy ghi chữ Samsung Galaxy S4 thu giữ của T không tìm thấy ma túy thường gặp, khối lượng 162,6526gam. Đây là ma túy giả mà K đã bán cho T.

- Gói 2: Tinh thể không màu trong 2 gói nylon đựng trong hộp giấy có ghi chữ LEVI'S thu giữ của T là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 7,0763gam, loại Methamphetamine. Đây là ma túy T cất giữ để bán cho người khác.

- Gói 3:

- +Chất bột màu trắng trong 2 gói nylon thu giữ được của T là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng là 8,8512gam, loại Methamphetamine, Ketamine. Đây là số ma túy mà T nhận giữ giùm cho K.

- +Chất bột màu vàng chứa trong 1 gói nylon thu giữ được của T là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 51,3763gam, loại Methamphetamine, Ketamine. Đây là số ma túy T nhận giữ giùm cho K.

- Gói 04: 1 bóp nhỏ màu vàng chấm bi đen chứa:

+Tinh thể không màu trong 1 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 17,7110gam, loại Methamphetamine. Đây là số ma túy mà T cất giữ để bán cho người khác;

+Chất bột màu trắng trong 1 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng là 0,4909gam, loại Ketamine. Đây là ma túy T cất giữ để sử dụng cho bản thân;

-Gói 5: 38 viên nén hình tròn màu nâu có ghi chữ ADVIL, có tổng khối lượng là 18,1328gam, không tìm thấy chất ma túy thường gặp, T khai là thuốc bổ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thay đổi lời khai, cụ thể: Bị cáo cất giữ ma túy là để sử dụng cho bản thân, không có mục đích bán cho người khác; bị cáo cất giữ giấu cho K 1 gói nylon chứa ma túy, qua giám định xác định được là ma túy ở thể rắn có khối lượng 51,3763gam, loại Methamphetamine và Ketamine. Tại cơ quan điều tra, vì bị ép cung nên bị cáo đã khai rằng có một phần ma túy bị cáo tàng trữ với mục đích để bán.

Cáo trạng số 106/CTr-VKS ngày 26/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận F đã truy tố Phạm Nguyễn Minh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm m, o khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự năm 1999) và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm m, o khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 62/2018/HSST ngày 04/9//2018 của Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Nguyễn Minh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 7, điểm 1, n khoản 2 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt Phạm Nguyễn Minh T 7 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm m, o khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt Phạm Nguyễn Minh T 8 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt, buộc Phạm Nguyễn Minh T phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2017.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt tiền Phạm Nguyễn Minh T 10.000.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý vật chứng, tuyên án phí, truy thu tiền thu lợi bất chính, quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 10/9/2018, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung như sau: Bị cáo chỉ tàng trữ ma túy để sử dụng; mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là quá cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng pháp luật. Mức án phạt là tương xứng với tính chất mức độ vi phạm, các tình tiết giảm nhẹ. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai rằng ép cung, nhục hình. Tuy nhiên, bị cáo không có chứng cứ chứng minh; mặt khác, ngay khi bị bắt giữ lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, bị cáo cũng khai nhận tàng trữ khối lượng 24,7873gam MA nhằm mục đích để bán; trong quá trình điều tra, khi Kiểm sát viên trực tiếp lấy lời khai, bị cáo cũng thừa nhận việc tàng trữ ma túy với mục đích mua bán mà không có khiếu nại gì về việc bị ép cung, nhục hình. Do vậy, việc bị cáo cho rằng đã bị ép cung, nhục hình là không có căn cứ. Các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp. Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là đảm bảo tính khách quan, được sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2]. Về việc bị cáo cho rằng bị cáo chỉ mua ma túy để sử dụng cho bản thân mà không có mục đích bán cho người khác.

Như đã nhận định, ngay khi bị bắt quả tang, bị cáo khai nhận bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích bán cho người khác. Trong quá trình điều tra, bị cáo cũng khai rằng: gói ma túy có khối lượng 0,4909gam, loại Ketamine (cất giữ

trong chiếc bóp màu vàng, chầm bi đen) là ma túy bị cáo cất giữ để sử dụng; còn 2 gói nylon chứa chất bột màu trắng (theo kết quả giám định, xác định có tổng khối lượng là 8,8512gam, loại Methamphetamine, Ketamine) và gói 1 gói nylon chứa chất bột màu vàng (theo kết quả giám định có khối lượng là 51,3763gam, loại Methamphetamine, Ketamine) là ma túy do K gửi; số ma túy còn lại, bị cáo cất giữ để bán lại cho người khác. Như vậy, căn cứ lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, căn cứ vật chứng thu giữ được tại nơi ở của bị cáo, căn cứ kết luận giám định, có cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi tàng trữ 60,69gam ma túy ở thể rắn (gồm 0,4909gam Ketamine và 60,2275gam MA và Ketamine) để sử dụng cho bản thân và tàng trữ 24,7873gam MA với mục đích bán cho người khác.

Bị cáo là người nghiện ma túy, không có việc làm, không có nguồn thu nhập. Tại phiên tòa, bị cáo cũng không giải thích được một cách hợp lý về nguồn tiền mà bị cáo có để sử dụng mua ma túy, thuê nhà và chi tiêu cho sinh hoạt thường ngày của bản thân. Do vậy, việc bị cáo thay đổi lời khai, cho rằng bị cáo tàng trữ ma túy không nhằm mục đích bán cho người khác là không có tính thuyết phục.

[3].Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật phòng chống ma túy năm 2000 và Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ thì Methamphetamine, Ketamine là những chất ma túy bị tuyệt đối cấm sử dụng trong y học và đời sống xã hội, việc sử dụng những chất đã nêu trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm phải tuân thủ theo quy định đặc biệt của cơ quan có thẩm quyền.

[4].Ma túy nói chung, là chất gây nghiện độc hại. Việc sử dụng ma túy không chỉ gây thiệt hại về vật chất cho gia đình và xã hội mà còn gây tổn hại đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng, nếu sử dụng quá liều còn có thể bị tử vong. Người thường xuyên sử dụng ma túy sẽ bị thoái hóa nhân cách, rối loạn hành vi, dẫn đến việc vi phạm pháp luật. Để có được ma túy sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện, người nghiện ma túy thường bất chấp mọi hành vi thủ đoạn, kể cả cướp của, giết người. Đây là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Vì các lý do đã nêu, Nhà nước ta đã nghiêm cấm việc mua bán trái phép chất ma túy và tiền chất. Bị cáo là những người có đầy đủ sức khỏe, có khả năng nhận thức, biết rõ được việc làm của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vì động cơ tư lợi nên vẫn cố ý vi phạm. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội, an ninh quốc gia; xâm phạm đến hoạt động của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm soát các hoạt động liên quan đến ma túy.

[5].Căn cứ vào các nhận định đã nêu, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm m, o khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy

nhiên, nếu đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015) thì hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo sẽ bị xử phạt theo khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Mặt khác, hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là nhẹ hơn so với hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Đây là quy định có lợi cho người phạm tội. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm m, o khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm l, n khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng pháp luật.

[6]. Về hình phạt áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Vào năm 2015, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm 3 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Bản án số 37/2015/HSST ngày **19/3/2015**); chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2016. Trong khi án tích vừa nêu chưa được xóa thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này của bị cáo được xác định thuộc trường trường hợp “tái phạm”. Do vậy, cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như đã nêu, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 8 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 7 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là tương xứng với tính chất, mức độ vi phạm và tình tiết tăng nặng mà bị cáo phải chịu. Do vậy, không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7]. Qua xem xét toàn bộ nội dung vụ án, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có một số sai sót, cần rút kinh nghiệm, cụ thể như sau:

“Tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 và cũng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Nội dung quy định về tình tiết “tái phạm” theo Bộ luật hình sự năm 2015 và Bộ luật hình sự năm 1999 là như nhau; không mang tính có lợi cho người phạm tội. Do vậy, cần phải áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử lý đối với bị cáo. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử lý đối với bị cáo là không chuẩn xác, không đúng với quy định tại Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Tương tự như đã nêu, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt là không đúng mà phải áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 để tổng hợp hình phạt.

Khi tuyên phạt tù có thời hạn, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên “Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 ngày kể từ ngày tuyên án” là không đúng với quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[8]. Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Nguyễn Minh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm 62/2018/HSST ngày 04/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Phạm Nguyễn Minh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm m và o khoản 2 Điều 194, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm l và n khoản 1 Điều 249, Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Minh T 8 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 7 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/3/2017.

2. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP. HCM; | (3) |
| - VKSND huyện Củ Chi; | (1) |
| - PC53 - CATP; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Đương sự; | (1) |
| - Chi Cục THA huyện Củ Chi; | (1) |
| - TAND huyện Củ Chi; | (2) |
| - Công an huyện Củ Chi; | (1) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (22). (4)

Trương Công Huân